TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/02/2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm
2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre* tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2024/TLST-HNGĐ 22 tháng 10 năm 2024 về việc*: "Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Mỹ D**, sinh năm: 1973; địa chỉ: số nhà A ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: **Ông Nguyễn Nhựt T**, sinh năm: 1977; địa chỉ: số nhà D ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2024, văn bản trình bày ý kiến ngày 06/11/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ D trình bày:

- Về hôn nhân và việc cấp dưỡng giữa vợ chồng**:**

Bà D và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được hơn 01 năm, đến tháng 4 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà D thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông T. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: bà D và ông T không có con chung.

- Về tài sản chung: bà D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà D trình bày không có.

Ngày 25/12/2024, bà D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Phía bị đơn ông Nguyễn Nhựt T đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy mời của Toà án và đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có phần trình bày của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông T.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Mỹ D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Nhựt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D, ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà D và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2023. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà D cho rằng sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà D xác định đã không còn tình cảm với ông T nên xin được ly hôn với ông T. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa bà D và ông T đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Đối với ông T, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua đó cũng thể hiện việc ông T không mong muốn được hòa

giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: bà D trình bày không có con chung.

[4] Về tài sản chung: bà D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: bà D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Mỹ D đối với ông Nguyễn Nhựt T. Bà D được ly hôn với ông T. Ghi nhận việc bà D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: bà D trình bày không có con chung.

3. Về tài sản chung: bà D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: bà D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà D phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005651 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, Bến Tre. Bà D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Mỹ D và ông Nguyễn Nhựt T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- CCTHADS huyện Chợ Lách;
- UBND xã Tân Thiềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Nga